

MỘT SỐ KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN KHI THỰC TẬP SƯ PHẠM TẠI CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG HIỆN NAY

Trần Thị Tuyết Mai

Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Trong quá trình thực tập sư phạm, bên cạnh những thuận lợi, sinh viên cũng gặp không ít khó khăn. Nội dung bài viết này phân tích về thực trạng khó khăn của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng khi thực tập sư phạm tại các trường phổ thông hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, biểu hiện khó khăn của sinh viên được đánh giá với điểm trung bình ở mức trung bình tuy nhiên có sự khác nhau ở 5 mức độ lựa chọn tương ứng. Đánh giá về những khó khăn khi thực tập sư phạm của sinh viên thuộc hai trường đại học sư phạm là khác nhau và sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê.

Từ khóa: Khó khăn, thực tập sư phạm, giảng dạy, giáo dục, trường phổ thông.

1. Mở đầu

Thực tập sư phạm (TTSP) là một trong những hoạt động quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm. TTSP là khâu thực hành nghề, là hoạt động thực tiễn của giáo sinh được tiến hành tại các trường phổ thông. Muốn làm tốt TTSP, giáo sinh phải được trang bị tốt về chuyên môn (môn học phải giảng dạy) và nghiệp vụ (phương pháp và kỹ năng giảng dạy), có kỹ năng về quản lý, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm...[1]. Chính vì thế, TTSP là vấn đề đã và đang thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều tác giả trong và ngoài nước. Các công trình nghiên cứu đã công bố đề cập đến các khía cạnh khác nhau của TTSP, như: vai trò, tầm quan trọng, thực trạng TTSP cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến công tác TTSP nói chung.

Trên thế giới, các tác giả Conway Murphy, Rath và Hall (2009), [2]; Malloch, Cairns và Evans (2010), [3] đã có những công trình nghiên cứu về việc chuẩn hóa nội dung, quy trình, chuẩn đánh giá kết quả TTSP, hướng đến đánh giá theo năng lực của sinh viên. Tác giả Shulz (2005) đã chỉ ra cách tiếp cận truyền thống đối với TTSP chủ yếu chú ý đến kiến thức kỹ thuật vốn là một phần nhỏ trong kiến thức chuyên môn sư phạm, không đủ cho giáo sinh có thể thực hiện tốt việc dạy học của mình [4]. Theo nghiên cứu về vấn đề TTSP ở Thái Lan đã khẳng định vai trò của việc tham quan dự giờ để học hỏi phương pháp giảng dạy, giáo dục, các bước lên lớp của giáo viên; vai trò của việc chuẩn bị giáo án; vai trò của việc tìm hiểu môi trường TTSP. Mặt khác, nghiên cứu này đã chỉ ra sinh viên sẽ gặp phải không ít khó khăn khi TTSP và sau khi trải qua khó khăn sinh viên thu được những bài học kinh nghiệm quý báu. Đa số sinh viên gặp phải khó khăn trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ năng dạy học; khó khăn trong việc thiết kế giáo án...[5].

Ở Việt Nam, hầu hết các công trình nghiên cứu của các tác giả, như: Hoàng Thanh Thúy

(2009), Trần Thị Hương Thủy (2010), Dương Thị Thoan (2011), Nguyễn Thị Bích Hạnh (2016) [6], [7], [8], [9]... đã tập trung tìm hiểu thực trạng TTSP của sinh viên, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TTSP, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả TTSP cho sinh viên hoặc đi sâu nghiên cứu về TTSP trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ... Các tác giả Nguyễn Thị Thu Hằng, Đỗ Thị Phương Thúy, Nguyễn Thị Phương Hoa (2009) đã tiến hành khảo sát, phân tích khá toàn diện về thực trạng TTSP của sinh viên sư phạm Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, từ thực trạng về năng lực giảng dạy và chủ nhiệm đến những thuận lợi, khó khăn và những thay đổi về thái độ mà sinh viên đã trải qua trong suốt quá trình TTSP. Trong đó, tác giả đã phân tích về những khó khăn khi TTSP của sinh viên, các khó khăn lớn nhất khi TTSP đó là: kĩ năng soạn giáo án còn hạn chế, khó khăn khi lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học, chưa làm chủ các tình huống sư phạm, chưa tự tin...[10]. Qua nghiên cứu tác giả Hoàng Thị Nga (2013) đưa ra các khó khăn, đó là: một số sinh viên chưa kịp thích ứng với sự khác biệt giữa công tác tập giảng trong dạy học ở nhà trường sư phạm với thực tế dạy học ở trường phổ thông; sinh viên chưa thực sự năng động, nhiệt tình với công tác giảng dạy, chuyên môn; chưa nhuần nhuyễn về kĩ năng lên lớp, nắm bắt chương trình, đặt câu hỏi, sử dụng các phương pháp dạy học mới, giáo dục đạo đức cho học sinh...vv, [11]. Bên cạnh đó, nhóm tác giả Phùng Nguyễn Quỳnh Nga, Phạm Khắc Thùy Hương, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2018) lại chỉ ra các khó khăn, như: một số sinh viên kiến thức chuyên môn còn hạn chế ảnh hưởng đến thực tập giảng dạy cũng như công tác chủ nhiệm, bố trí thời gian cho các hoạt động của lớp chưa hợp lí, chưa linh hoạt, khả năng bao quát lớp chưa tốt, thiếu chủ động trong tương tác với học sinh, phụ huynh học sinh... [12].

Bài viết dưới đây đánh giá và phân tích thực trạng khó khăn của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (ĐHSP - ĐHDN) qua 29 biểu hiện cụ thể đồng thời xác định nguyên nhân của những khó khăn đó khi TTSP tại các trường phổ thông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng trên tổng số 345 khách thể là sinh viên thuộc hai trường đại học sư phạm, bao gồm: 182 sinh viên thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và 163 sinh viên thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Hai phương pháp chính chúng tôi sử dụng đó là: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, Phương pháp phỏng vấn sâu. Mỗi phương pháp có vai trò khác nhau và hỗ trợ cho nhau trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể.

Với phương pháp điều tra bằng bảng hỏi chúng tôi xây dựng các câu hỏi liên quan đến TTSP của sinh viên trong đó gồm nội dung khảo sát về khó khăn của sinh viên khi TTSP thể hiện qua các khía cạnh: Hoạt động giảng dạy; Hoạt động giáo dục; Công tác chủ nhiệm lớp; Kiểm tra, đánh giá học sinh; Tự học, tự rèn luyện; Giao tiếp ứng xử (bao gồm 29 biểu hiện khó khăn) về nguyên nhân của những khó khăn khi TTSP (bao gồm 10 nguyên nhân). Đồng thời, chúng tôi xây dựng nội dung phỏng vấn sâu gồm 9 câu hỏi trong đó gồm 2 câu hỏi mở dùng để hỏi về những khó khăn khi TTSP và nguyên nhân của những khó khăn khi TTSP của sinh viên ở trường phổ thông hiện nay.

2.2. Thực trạng một số khó khăn của sinh viên khi TTSP tại các trường phổ thông hiện nay

2.2.1. Thực trạng chung về khó khăn của sinh viên khi TTSP tại các trường phổ thông

Trước hết, chúng tôi tổng hợp và đánh giá chung về các khó khăn của sinh viên khi TTSP tại trường phổ thông. Kết quả như sau:

Bảng 1. Đánh giá chung về khó khăn của sinh viên khi TTSP tại các trường phổ thông

TT	Khó khăn của sinh viên khi TTSP	ĐTB	ĐLC
1	Hoạt động giảng dạy	3,14	0,84
2	Hoạt động giáo dục	3,18	0,88
3	Công tác chủ nhiệm lớp	3,06	0,87
4	Kiểm tra, đánh giá học sinh	3,13	1,04
5	Tự học, tự rèn luyện	3,09	0,98
6	Giao tiếp, ứng xử	3,16	1,01
ĐTB chung		3,13	0,83

Kết quả bảng trên cho thấy: Xếp vị trí thứ nhất là “*Hoạt động giáo dục*” với ĐTB = 3,18. Sở dĩ như vậy bởi vì khi TTSP tại các trường phổ thông, sinh viên nhận thấy bản thân còn gặp phải nhiều khó khăn, trở ngại trong các hoạt động giáo dục, cụ thể như: lập kế hoạch cho các hoạt động giáo dục, tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục, giáo dục đạo đức cho học sinh nhất là những học sinh cá biệt...vv.

Xếp vị trí thứ hai là khó khăn về “*Giao tiếp, ứng xử*” với ĐTB = 3,16. Phần lớn sinh viên ít giao tiếp và không có nhiều cơ hội mở rộng mối quan hệ với giáo viên, học sinh, phụ huynh nên còn nhiều lúng túng trong cách ứng xử hằng ngày nhất là khi có sự việc nào đó xảy ra bất ngờ trong quá trình TTSP. Em B.T.N (Trường ĐHSPTN) chia sẻ: “Bình thường chúng em giao tiếp chủ yếu chỉ trong nhóm bạn cùng lớp rồi bạn bè các cấp, thỉnh thoảng giao tiếp với giảng viên. Khi đi TTSP, chúng em phải giao tiếp với nhiều đối tượng khác nhau, như: Ban giám hiệu nhà trường phổ thông, các thầy cô hướng dẫn giảng dạy và giáo dục, học sinh rồi cả phụ huynh trong những sự việc cần thiết nên đôi lúc gặp phải một số khó khăn, lúng túng, không biết xử trí ra sao để không mất lòng”.

Xếp vị trí cuối cùng là “*Công tác chủ nhiệm lớp*” với ĐTB = 3,06. Với sinh viên khi thực hiện các việc liên quan đến chủ nhiệm lớp các em đánh giá ít gặp khó khăn hơn bởi lẽ sinh viên được sự hướng dẫn cụ thể của giảng viên ở trường sư phạm, giáo viên hướng dẫn tại trường phổ thông và sự ủng hộ nhiệt tình từ phía học sinh lớp chủ nhiệm. Qua phỏng vấn, sinh viên chia sẻ rằng phần lớn học sinh rất thích có thầy cô giáo thực tập để cùng trò chuyện và hỗ trợ các em tổ chức, tham gia các hoạt động chung của lớp hoặc giúp đỡ các em giải đáp những khó khăn trong học tập, cuộc sống. Em P.N.H.C (ĐHSP – ĐH Đà Nẵng) chia sẻ: “Em thấy hầu hết học sinh rất dễ gần, hòa đồng, tích cực phối kết hợp với chúng em trong các buổi lên lớp, các tiết sinh hoạt rồi các hoạt động chung của lớp”.

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi nhận thấy hầu hết sinh viên đánh giá các khó khăn thiên về các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp hơn là những khó khăn liên quan đến công việc giảng dạy. ĐTB của những khó khăn khi TTSP của sinh viên ở mức “*Trung Bình*”. Tuy nhiên, ở những biểu hiện cụ thể của các khó khăn thông qua 5 mức độ đánh giá có sự khác nhau.

2.2.2. Thực trạng khó khăn của sinh viên khi TTSP tại các trường phổ thông qua các biểu hiện cụ thể

Chúng tôi đã đưa ra bảng hỏi bao gồm các khó khăn khi TTSP và 5 phương án lựa chọn tương ứng cho sinh viên tự đánh giá. Kết quả thu được thể hiện thông qua Bảng 2.

Qua kết quả Bảng 2 cho thấy, ở hầu hết các biểu hiện, sinh viên có xu hướng đánh giá khó khăn ở mức độ mức độ 3,4 và một số sinh viên lựa chọn ở mức độ cao nhất là mức 5 - “*Rất khó khăn*”, số sinh viên lựa chọn mức độ 1 - “*Ít khó khăn*” chiếm tỉ lệ thấp nhất. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

Bảng 2. Đánh giá về các biểu hiện khó khăn của sinh viên khi TTSP tại các trường phổ thông (n=345)

TT	Các biểu hiện khó khăn	ĐTB	ĐLC	Mức độ (%)				
				1	2	3	4	5
1	Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí và phân loại học sinh	2,79	1,04	13,3	24,1	35,7	24,1	2,9
2	Lập kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục	3,08	1,04	7,8	21,7	29,6	35,9	4,9
3	Lập kế hoạch bài học theo hướng tập trung vào người học	3,08	1,17	10,4	21,2	30,7	24,9	12,8
4	Lập kế hoạch giáo dục học sinh	3,17	1,10	7,5	21,4	27,5	33,6	9,9
5	Công tác chủ nhiệm lớp	3,15	1,18	10,1	19,7	29,0	27,2	13,9
6	Tổ chức và phát triển tập thể lớp	3,12	1,10	7,8	21,7	31,6	28,1	10,7
7	Tổ chức giờ sinh hoạt lớp	3,12	1,15	10,1	18,8	31,3	28,1	11,6
8	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm	3,14	1,15	8,7	22,9	24,6	32,8	11,0
9	Giáo dục đạo đức cho học sinh	3,22	1,12	7,5	19,7	28,4	31,9	12,5
10	Giáo dục học sinh cá biệt	3,22	1,13	7,2	20,3	28,4	31,0	13,0
11	Tư vấn và tham vấn	3,14	1,11	9,0	19,1	31,6	29,9	10,4
12	Kiến thức chuyên môn dạy ở phổ thông	3,20	1,12	6,7	20,3	33,3	25,5	14,2
13	Tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp	3,13	1,13	9,6	19,4	30,4	29,9	10,7
14	Giải quyết các tình huống sư phạm	3,24	1,18	8,4	20,3	25,8	30,1	15,4
15	Phát triển chương trình môn học	3,12	1,16	9,0	21,7	31,0	24,9	13,3
16	Dạy học online	3,20	1,17	8,7	19,4	30,4	26,4	15,1
17	Sử dụng các phương tiện, trang thiết bị dạy học	3,10	1,16	10,4	20,6	29,0	28,7	11,3
18	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	3,16	1,15	8,7	20,6	29,0	29,3	12,5
19	Kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh	3,11	1,16	9,3	22,0	29,6	26,4	12,8
20	Xây dựng, quản lí và sử dụng có hiệu quả hồ sơ dạy học	3,14	1,18	9,9	20,0	31,3	24,1	14,8
21	Xây dựng, quản lí và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục	3,11	1,13	7,2	24,3	31,0	24,6	12,8
22	Giao tiếp, ứng xử phù hợp với học sinh	3,13	1,18	10,4	19,7	29,0	28,1	12,8
23	Giao tiếp, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp	3,13	1,18	9,6	22,0	27,5	27,2	13,6
24	Giao tiếp, ứng xử phù hợp với cha	3,23	1,12	7,0	20,3	28,7	30,7	13,3

	mẹ học sinh							
25	Thu hút, phối hợp với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội và các lực lượng giáo dục khác vào các hoạt động giáo dục của lớp, trường...	3,26	1,17	8,4	18,8	25,5	32,8	14,5
26	Tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn	3,26	1,22	10,7	16,2	26,4	30,1	16,5
27	Tự học, tự bồi dưỡng năng lực nghiệp vụ sư phạm	2,96	1,13	11,3	23,2	33,3	22,6	9,6
28	Tự rèn luyện để phát triển, hoàn thiện nhân cách nhà giáo	3,08	1,13	9,6	21,7	30,1	28,1	10,4
29	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý hồ sơ	3,18	1,12	8,1	19,4	30,7	29,6	12,2
Chung		3,13	0,82	9,5	15,4	34,0	33,7	7,4

Ghi chú: (Mức 1 = Ít khó khăn → Mức 5 = Rất khó khăn)

ĐTB: Điểm Trung bình; DLC: Độ lệch chuẩn

Sinh viên đánh giá việc “*Tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn*”, “*Thu hút, phối hợp với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội và các lực lượng giáo dục khác vào các hoạt động giáo dục của lớp, trường...*” là những công việc khó khăn nhất, xếp vị trí thứ nhất với ĐTB bằng nhau (ĐTB = 3,26). Theo sinh viên, việc tự học, tự bồi dưỡng của cá nhân để có được những kiến thức và kỹ năng phục vụ cho TTSP cũng như công việc của người giáo viên trong tương lai là khó khăn lớn nhất. Lí giải cho điều này, một số sinh viên chia sẻ do các em đã quen với việc được giảng viên hướng dẫn, chỉ bảo cụ thể các công việc từ khi còn học các môn phương pháp giảng dạy và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên nên khi bản thân phải tự học, tự bồi dưỡng qua thực tế TTSP ở trường phổ thông thì bản thân các em chưa thể thực hiện tốt. Mặc dù sinh viên ý thức rất rõ về vai trò, tầm quan trọng của việc tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nhưng trong thực tế các em còn thiếu chủ động, tự giác và tích cực trong hoạt động này. Bên cạnh đó, một trong những khó khăn lớn đối với sinh viên khi TTSP là việc phối kết hợp với cha mẹ cũng như các lực lượng khác trong giáo dục học sinh. Sở dĩ như vậy, vì trong mỗi đợt TTSP thời gian của sinh viên không nhiều nên thường ít có cơ hội tiếp xúc, làm quen với các bậc phụ huynh. Hơn nữa, sinh viên cũng thiếu kinh nghiệm thực tế và ít mở rộng các mối quan hệ xã hội nên việc giao tiếp với phụ huynh và các lực lượng khác trong xã hội vẫn còn hạn chế nhất định.

Khó khăn được sinh viên đánh giá xếp ở vị trí thứ hai là “*Giải quyết các tình huống sư phạm*” (ĐTB = 3,24). Có thể thấy rằng, việc giải quyết các tình huống sư phạm là những việc thường xuyên diễn ra trong quá trình giáo viên đứng lớp cũng như khi sinh viên sư phạm xuống trường TTSP. Theo sinh viên tự đánh giá, vì các em chưa có những kinh nghiệm thực tiễn cũng như do các tình huống trên lớp học diễn ra quá bất ngờ khiến các em chưa thể ứng phó kịp thời và xử lý hiệu quả. Em N.T.Q.H (Trường ĐHSP - ĐHQĐHN) chia sẻ: “Có lúc các tình huống trong lớp học xảy ra đột ngột khiến chúng em không ngờ tới nên đôi khi không biết xử lý ra sao, những lúc đó em cảm thấy mình mất bình tĩnh, hơi run”.

Các khó khăn tiếp theo đó là “*Giáo dục đạo đức học sinh*” và “*Giáo dục học sinh cá biệt*” (ĐTB = 3,22). Đây cũng là những khó khăn thường gặp trong thực tế TTSP của sinh viên các trường sư phạm hiện nay. Giáo dục đạo đức là quá trình lâu dài và phức tạp, đòi hỏi phải xác định mục tiêu, nội dung, hình thức và các biện pháp giáo dục sao cho phù hợp, hiệu quả. Hơn nữa, giáo dục học sinh cá biệt với sinh viên sẽ càng khó khăn hơn để có thể tiến tới thực hiện mục tiêu giúp học sinh nhận thức đúng về các vấn đề cũng như sửa đổi những hành vi không mong muốn.

Xếp ở vị trí cuối cùng là “*Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí và phân loại học sinh*” (ĐTB = 2,79). Đa số sinh viên cho rằng việc này ít gây khó khăn cho các em bởi lẽ các em đã được học về đặc điểm tâm lí lứa tuổi của học sinh các cấp cũng như qua quá trình tiếp xúc trực tiếp một cách thân thiện, cởi mở thì phần nào cũng hiểu rõ về một số đặc điểm tâm lí của học sinh, để từ đó tiến hành phân loại học sinh chính xác nhất. Tuy nhiên, cũng một số ít sinh viên lại cho rằng đây là việc khá khó khăn đối với các em trong quá trình thực tập giáo dục nói chung cũng như trong công tác chủ nhiệm lớp nói riêng. Theo kết quả phỏng vấn em P.N.H.C (Trường ĐHSPT - ĐHQĐ): “Em thấy khó khăn lớn nhất của em khi thực tập là việc tiếp xúc, tìm hiểu và hiểu chính xác về các đặc điểm tâm lí của học sinh vì có những học sinh trong thời gian ngắn các em ít bộc lộ tính cách ra bên ngoài nên em thấy khó mà hiểu hết được các em ấy như thế nào”.

Theo kết quả của đề tài nghiên cứu khác về “*Thực trạng TTSP của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội*” đưa ra các khó khăn như sau: Khó khăn lớn nhất của sinh viên là công việc soạn giáo án (chiếm 18,66%), lúng túng trong việc lựa chọn phương pháp dạy học (12,06%) và và kĩ năng trình bày bảng (chiếm 15,38%) lựa chọn ở các mức “rất nhiều khó khăn” và “nhiều khó khăn” [3]. Có thể thấy, ở mỗi đề tài nghiên cứu với các khía cạnh khác nhau, với đối tượng sinh viên và tiến hành vào những khoảng thời gian, thời điểm khác nhau cho kết quả đánh giá về những khó khăn cơ bản cũng có sự khác nhau.

Như vậy, chúng tôi nhận thấy đánh giá của sinh viên về những khó khăn trong quá trình TTSP có sự phù hợp với những khó khăn thường gặp nhất trong thực tế TTSP tại các trường phổ thông hiện nay. Những khó khăn đó đều xuất phát từ những công việc cơ bản và quan trọng nhất mà sinh viên sẽ phải thực hiện với tư cách là người giáo viên trong tương lai, nó gây ra những cản trở đến các công việc và ảnh hưởng đến hiệu quả TTSP của các em. Chính vì vậy, các trường sư phạm, giảng viên, giáo viên hướng dẫn cần có những cách thức, biện pháp khả thi để giúp sinh viên có thể khắc phục khó khăn và thực hiện tốt mọi công việc trong các đợt TTSP cũng như rèn luyện kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp cho tương lai.

2.2.3. So sánh kết quả đánh giá về khó khăn khi TTSP tại các trường phổ thông của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Bên cạnh kết quả đánh giá về khó khăn của sinh viên nói chung, chúng tôi cũng tiến hành so sánh kết quả đánh giá giữa sinh viên Trường ĐHSPT và sinh viên Trường ĐHSPT - ĐHQĐ về những khó khăn khi TTSP tại các trường phổ thông. Kết quả được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 3. Đánh giá về khó khăn khi TTSP tại trường phổ thông của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵng

TT	Các khó khăn	ĐHSPT (n=182)		ĐHSPT-ĐHQĐ (n=163)		P
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí và phân loại học sinh	2,59	0,89	3,01	1,15	0,01
2	Lập kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục	2,92	0,99	3,26	1,06	0,02
3	Lập kế hoạch bài học theo hướng tập trung vào người học	2,91	1,05	3,28	1,27	0,00
4	Lập kế hoạch giáo dục học sinh	3,00	1,04	3,36	1,14	0,00
5	Công tác chủ nhiệm lớp	2,97	1,10	3,36	1,25	0,00
6	Tổ chức và phát triển tập thể lớp	2,97	1,01	3,29	1,18	0,00

7	Tổ chức giờ sinh hoạt lớp	3,02	1,10	3,24	1,20	0,03
8	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm	3,02	1,14	3,29	1,14	0,08
9	Giáo dục đạo đức cho học sinh	3,04	1,02	3,42	1,20	0,00
10	Giáo dục học sinh cá biệt	3,07	1,06	3,40	1,18	0,00
11	Tư vấn và tham vấn	3,02	1,00	3,27	1,22	0,00
12	Kiến thức chuyên môn dạy ở phổ thông	3,08	1,05	3,34	1,17	0,00
13	Tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp	3,01	1,06	3,26	1,20	0,00
14	Giải quyết các tình huống sư phạm	3,10	1,05	3,39	1,30	0,00
15	Phát triển chương trình môn học	2,99	1,05	3,26	1,26	0,00
16	Dạy học online	3,25	1,07	3,14	1,27	0,00
17	Sử dụng các phương tiện, trang thiết bị dạy học	3,06	1,05	3,14	1,28	0,00
18	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	3,09	1,07	3,24	1,22	0,00
19	Kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh	3,05	1,06	3,18	1,26	0,00
20	Xây dựng, quản lí và sử dụng có hiệu quả hồ sơ dạy học	3,07	1,09	3,21	1,28	0,00
21	Xây dựng, quản lí và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục	3,06	1,05	3,17	1,21	0,00
22	Giao tiếp, ứng xử phù hợp với học sinh	3,18	1,08	3,08	1,28	0,00
23	Giao tiếp, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp	3,10	1,10	3,17	1,27	0,00
24	Giao tiếp, ứng xử phù hợp với cha mẹ học sinh	3,24	1,07	3,22	1,19	0,02
25	Thu hút, phối hợp với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội và các lực lượng giáo dục khác vào các hoạt động giáo dục của lớp, trường...	3,27	1,08	3,25	1,26	0,01
26	Tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn	3,34	1,23	3,17	1,20	0,52
27	Tự học, tự bồi dưỡng năng lực nghiệp vụ sư phạm	2,74	0,98	3,20	1,24	0,00
28	Tự rèn luyện để phát triển, hoàn thiện nhân cách nhà giáo	3,07	1,02	3,10	1,25	0,00
29	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí hồ sơ	3,12	1,01	3,25	1,23	0,00
Chung		3,04	0,64	3,24	0,97	0,00

Ghi chú: (Mức 1 = Ít khó khăn → Mức 5 = Rất khó khăn)

ĐTB: Điểm Trung bình; DLC: Độ lệch chuẩn

Nhìn vào bảng số liệu trên, sinh viên Trường ĐHSP - ĐHĐN đánh giá về những khó khăn khi TTSP với xu hướng ĐTB cao hơn so với sinh viên Trường ĐHSPHN ở tất cả các biểu hiện. Kết quả này cho thấy, sinh viên Trường ĐHSP - ĐHĐN gặp nhiều khó khăn hơn khi TTSP so với sinh viên Trường ĐHSPHN. Trong đó, đánh giá của sinh viên hai trường có sự khác nhau về các biểu hiện cụ thể của những khó khăn đó.

Đối với khó khăn xếp vị trí thứ nhất, sinh viên Trường ĐHSPHN và Trường ĐHSP-ĐHĐN có sự đánh giá khác nhau. Sinh viên Trường ĐHSPHN đánh giá việc “*Tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn*” (ĐTB=3,34) là khó khăn nhất. Điều này nói lên rằng, với sinh viên trường ĐHSPHN, đa số sinh viên cho rằng, khó khăn chính và chủ yếu của các em là ở việc học và bồi dưỡng chuyên môn trong quá trình TTSP. Một số sinh viên cũng tự nhận thấy, các em phần nào lệ thuộc vào sự hướng dẫn của giảng viên ở trường sư phạm nên chưa thật sự chú trọng đến việc tự học, tự bồi dưỡng của cá nhân. Trong khi đó, với sinh viên Trường ĐHSP - ĐHĐN, khó khăn lớn nhất lại là “*Giáo dục đạo đức cho học sinh*” (ĐTB=3,42). Sở dĩ như vậy bởi lẽ các em nhận thấy việc giáo dục đạo đức cho học sinh nói chung là một quá trình lâu dài và khó khăn. Tuy nhiên, trong thời gian TTSP, sinh viên vẫn phải thực hiện một số công việc liên quan đến giáo dục đạo đức cho học sinh nên rất cần đến sự giúp đỡ, chỉ bảo của giảng viên, giáo viên hướng dẫn để các em có thể thực hiện công việc này sao cho hiệu quả. Em H.T.K.D Trường ĐHSP – ĐHĐN) chia sẻ: “*Em thấy học sinh nói chuyện thì nhắc nhở, nhắc thì em ấy cũng không cãi lại mà nghe theo chứ em cũng không thiết lập nên quy tắc ứng xử hay có những cách thức giáo dục đạo đức cụ thể với học sinh*”.

Đối với khó khăn xếp vị trí thứ hai, đánh giá của sinh viên hai trường cũng có sự khác nhau. Sinh viên Trường ĐHSPHN lựa chọn việc “*Thu hút, phối hợp với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội và các lực lượng giáo dục khác vào các hoạt động giáo dục của lớp, trường...*” (ĐTB=3,27). Sinh viên đánh giá đây là công việc khó khăn đối với các em trong suốt quá trình TTSP. Bởi lẽ ngay cả với giáo viên trên lớp việc phối hợp với phụ huynh và cộng đồng cũng như các lực lượng khác trong xã hội để giáo dục cho học sinh đã là một việc không hề dễ, thế nên bản thân các em mới tham gia TTSP nên sẽ gặp không ít khó khăn. Em B.T.N (Trường ĐHSPHN) chia sẻ: “*Việc thu hút, tạo hứng thú cho học sinh vào các hoạt động giáo dục đã là khó khăn nên việc thu hút, vận động các bậc phụ huynh vào các hoạt động đó càng khó khăn hơn rất nhiều. Căn bản họ chỉ quan tâm đến tình hình học tập của con họ nhiều hơn là việc tham gia vào các hoạt động*”. Trong khi đó, với sinh viên Trường ĐHSP - ĐHĐN lựa chọn khó khăn ở vị trí thứ hai đó là “*Giáo dục học sinh cá biệt*”, (ĐTB=3,40). Đa số sinh viên cho rằng, học sinh cá biệt là những đối tượng khó uốn nắn, dạy dỗ hơn các học sinh khác trong lớp nên sẽ có nhiều trở ngại đối với các em khi tiến hành TTSP tại trường phổ thông, thậm chí học sinh cá biệt có thể là nguyên nhân khiến cho sinh viên không thể hoàn thành hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp của mình.

Ở biểu hiện ít khó khăn nhất, sinh viên hai trường có lựa chọn giống nhau và đều lựa chọn việc “*Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý và phân loại học sinh*”. (Sinh viên trường ĐHSPHN với ĐTB =2,59 và sinh viên Trường ĐHSP - ĐHĐN với ĐTB=3,01). Có thể thấy, sinh viên hai trường đều có đồng quan điểm với nhau khi đánh giá việc tìm hiểu đặc điểm tâm lý, phân loại học sinh là việc ít khó khăn nhất đối với các em. Theo chia sẻ của sinh viên hai trường thì hầu hết các em đều thấy đây là công việc chính và được các em chú trọng ngay từ đầu và trong suốt quá trình TTSP cũng như đã học hỏi được qua các kênh thông tin khác nhau, như: qua giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, qua các kết quả học lực, xếp loại, sổ sách lớp học cũng như hồ sơ cá nhân của học sinh... nên phần nào các em cảm thấy gặp ít khó khăn hơn các công việc khác.

Để kiểm định kết quả đánh giá của sinh viên hai trường về khó khăn khi sinh viên TTSP tại trường phổ thông, chúng tôi tiến hành phép kiểm định T-Test. Qua kết quả kiểm định T-Test về khó khăn khi TTSP của sinh viên hai trường cho thấy: Về khó khăn nói chung khi TTSP, kết quả kiểm định cho hệ số $p \leq 0,05$. Xét trên từng biểu hiện khó khăn cụ thể, hầu hết đều có kết quả kiểm định $p \leq 0,05$. Điều này nói lên rằng sinh viên hai trường có sự đánh giá khác biệt nhau và sự khác biệt đó có ý nghĩa về mặt thống kê (Các chỉ số p thể hiện trên kết quả số liệu Bảng 3).

Như vậy, kết quả tự đánh giá của sinh viên Trường ĐHSPHN và Trường ĐHSP-ĐHĐN về những khó khăn khi TTSP tại trường phổ thông về cơ bản có sự khác nhau. Tuy nhiên, sinh viên hai trường cũng đánh giá đồng nhất nhau ở một số biểu hiện.

2.2.4. Nguyên nhân của những khó khăn của sinh viên khi TTSP tại các trường phổ thông

Đồng thời với việc nghiên cứu về các khó khăn, chúng tôi cũng tìm hiểu về nguyên nhân của những khó khăn đó là do đâu. Chúng tôi đưa ra 10 nguyên nhân để SV lựa chọn và đánh giá. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Đánh giá về nguyên nhân của những khó khăn ở sinh viên khi TTSP tại các trường phổ thông

TT	Nguyên nhân của những khó khăn ở sinh viên khi TTSP	ĐTB	ĐLC
1	Thiếu kĩ năng sống	2,89	1,08
2	Chưa được đào tạo trong trường sư phạm	2,88	1,06
3	Chưa được hướng dẫn trong quá trình thực tập	2,97	1,14
4	Chưa biết cách tự học, tự bồi dưỡng	3,05	1,17
5	Chưa biết cách bồi dưỡng lẫn nhau	3,14	1,19
6	Lớp học quá đông	3,15	1,08
7	Thiếu thời gian	3,19	1,07
8	Nội dung giảng dạy trong giờ học quá nhiều	3,16	1,10
9	Ít kinh nghiệm công tác	3,17	1,14
10	Học lí thuyết nhiều nhưng chưa được thực hành	3,19	1,14
ĐTB Chung		3,07	0,81

(Mức 1 = Ảnh hưởng ít nhất; Mức 5 = Ảnh hưởng nhiều nhất)

ĐTB: Điểm Trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả bảng trên cho thấy, nguyên nhân được sinh viên đánh giá ảnh hưởng nhiều nhất đến TTSP là “*Học lí thuyết nhiều nhưng chưa được thực hành*” và “*Thiếu thời gian*” với ĐTB = 3,19. Sinh viên cho rằng các em gặp phải những khó khăn khi TTSP xuất phát từ lí do các em chưa có nhiều cơ hội được thực hành tại trường phổ thông. Theo sinh viên chia sẻ đến năm thứ 4 các em mới đi TTSP trong khi lí thuyết các em được học trên lớp nhiều và chỉ được tập giảng thử qua các môn phương pháp. Bên cạnh đó, thời gian cũng là một nguyên nhân dẫn đến những khó khăn khi TTSP của sinh viên. Trong khoảng thời gian ngắn TTSP ở trường phổ thông các em cùng một lúc sẽ phải thực hiện các nhiệm vụ khác nhau liên quan đến giảng dạy, giáo dục, chủ nhiệm lớp nên rất hạn hẹp về quỹ thời gian cũng như khó phân bổ thời gian để hoàn thành mọi việc sao cho hợp lí.

Xếp vị trí thứ hai là nguyên nhân “*Ít kinh nghiệm công tác*” với ĐTB = 3,17. Sở dĩ như vậy vì sinh viên cho rằng kinh nghiệm có vai trò quan trọng đối với các em trong khi TTSP. Chính vì lí do các em thiếu kinh nghiệm thực tế trong các công việc giảng dạy, giáo dục hay giao tiếp, ứng xử, tiếp xúc với học sinh, giáo viên hướng dẫn tại trường phổ thông nên gặp phải nhiều khó khăn khác nhau.

Xếp vị trí cuối cùng là “*Chưa được đào tạo trong trường sư phạm*” với ĐTB = 2,88. Sinh viên nhận thấy rằng tất cả các công việc tiến hành tại trường phổ thông trong đợt TTSP các em

đều đã được học và rèn luyện thông qua các môn, nội dung thực hành tại trường sư phạm. Vì thế, các em cho rằng đây là nguyên nhân ít tạo ra khó khăn đối với các em khi TTSP.

Nhìn chung, có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng, tác động gây ra những khó khăn khi TTSP của sinh viên. Theo kết quả khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu có sự trùng khớp về nguyên nhân dẫn đến khó khăn khi TTSP. Phần lớn các em đều cho rằng do các em chưa có nhiều thời gian, ít cơ hội thực hành các kiến thức lí thuyết được học trên lớp, thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong các vấn đề giảng dạy, giáo dục học sinh nên dễ dẫn đến những khó khăn khi TTSP.

Kết quả mối tương quan giữa những khó khăn với nguyên nhân của những khó khăn khi TTSP của sinh viên với $r = 0,81$ và $p = 0,00$. Qua số liệu này chúng ta thấy rằng đánh giá của sinh viên về những khó khăn với nguyên nhân của những khó khăn khi TTSP có tương quan thuận và chặt chẽ với nhau. Điều này nói lên sự thống nhất trong việc xác định khó khăn và nguyên nhân của những khó khăn ở sinh viên. Đồng thời $p = 0,00 \leq 0,05$ chứng tỏ kết quả này có ý nghĩa về mặt thống kê.

3. Kết luận

Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho chúng ta cái nhìn tổng thể về thực trạng khó khăn trong TTSP của sinh viên tại các trường phổ thông hiện nay. Qua tổng số 345 sinh viên được khảo sát đã đánh giá những khó khăn khi TTSP của sinh viên tại các trường phổ thông với kết quả ở mức trung bình. Với các mức độ cụ thể tập trung nhiều ở mức độ “*Khá khó khăn*” và “*Khó khăn*” và một số ít ở mức độ “*Rất khó khăn*”.

Xét trên từng biểu hiện cụ thể, sinh viên đánh giá các khó khăn ở vị trí cao nhất cụ thể là: Tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn; Thu hút, phối hợp với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội và các lực lượng giáo dục khác vào các hoạt động giáo dục của lớp, trường; Giáo dục đạo đức học sinh; Giáo dục học sinh cá biệt. Bên cạnh đó, khó khăn mà sinh viên đánh giá thấp nhất đó là: Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí và phân loại học sinh; Tự học, tự bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm...

Qua việc so sánh đánh giá về những khó khăn khi TTSP giữa sinh viên thuộc hai trường đại học sư phạm (Trường ĐHSPHN và Trường ĐHSP - ĐHQGHN) cho thấy: sinh viên hai trường đánh giá khác nhau về những biểu hiện khó khăn nhất trong quá trình tham gia TTSP. Tuy nhiên, ở biểu hiện ít khó khăn nhất thì sinh viên lại đánh giá có sự đồng nhất với nhau. Kết quả kiểm định T-Test cho thấy, sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê.

Như vậy, trong quá trình TTSP nói chung, những khó khăn mà sinh viên gặp phải đều liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ và một số kĩ năng như: xử lí các tình huống sư phạm, tìm hiểu đối tượng học sinh. Bên cạnh khó khăn trong giảng dạy, việc tổ chức các hoạt động giáo dục, phối hợp với các lực lượng khác nhau trong công tác giáo dục học sinh vẫn gây ra cho sinh viên những khó khăn nhất định. Đây cũng là khó khăn thường gặp nhất của sinh viên các trường nói chung khi tham gia vào quá trình TTSP.

Từ thực trạng khó khăn nêu trên của sinh viên khi TTSP là cơ sở để đề xuất nên các biện pháp nhằm giúp các em có thể hạn chế, khắc phục các khó khăn thường xảy ra trong thực tế TTSP, góp phần cải thiện và nâng cao hiệu quả của công tác TTSP cho sinh viên nói riêng và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường sư phạm nói chung.

Ghi chú: Bài báo là sản phẩm của đề tài “Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đánh giá và tự đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội theo chuẩn đầu ra. Mã số: HD1.3.1g.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vương Văn Quang, 2017. Phương thức “gửi thẳng” – bước đột phá trong công tác thực tập sư phạm ở trường Cao Đẳng Sư phạm Bắc Ninh. *Tạp chí Giáo dục* số 420, kì 2 tháng 12, tr.54-56.
- [2] Conway, P.F; Murphy, R.; Rath, A.; & Hall, K, 2009. *Learning to teach and its implication for the continuum of teacher education: A nine country cross- national study*, Report Commissioned by The Teacher Council, University College, Cork (UCC), Ireland.
- [3] Malloch, M.; Cairns, L.; & Evans, K., 2010. *The Sage Handbook of Workplace Learning*. SAGE Publications Ltd.
- [4] Shulz, Renate, 2005. “The Practicum: More than Practice”. *Canadian Journal of Education* 28, 1 & 2. pp 147-167.
- [5] Huỳnh Thị Thúy Diễm, 2016. Nâng cao nghiệp vụ và phát triển cá nhân qua trải nghiệm thực tế, TTSP ở Thái Lan. *Tạp chí Giáo dục* số đặc biệt, tháng 10, tr146-149.
- [6] Nguyễn Thị Bích Hạnh, 2016. Thực tập sư phạm trong quy trình đào tạo giáo viên theo tín chỉ. *Tạp chí Giáo dục* số 389, tr19-21.
- [7] Hoàng Thanh Thúy, 2009. *Biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động thực tập sư phạm cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp trường, mã số: SPHN-08-221, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [8] Trần Thị Hương Thủy, 2010. *Xây dựng quy trình tập luyện các kỹ năng dạy học cơ bản trong quá trình thực tập sư phạm cho học viên sư phạm nghề*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [9] Dương Thị Thoan, 2011. Nghiên cứu kỹ năng giảng dạy phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ của sinh viên trong thực tập sư phạm. *Tạp chí Giáo dục* số 267, tr18-20.
- [10] Nguyễn Thị Thu Hằng, Đỗ Thị Phương Thúy, Nguyễn Thị Phương Hoa, 2009. Về thực tập sư phạm của sinh viên hệ sư phạm Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, ngoại ngữ 25, tr51-56.
- [11] Hoàng Thị Nga, 2013. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác TTSP cho sinh viên sư phạm giáo dục chính trị Trường Đại học Vinh. *Tạp chí Giáo dục* số 322, kì 2, tr.30-32.
- [12] Nguyễn Quỳnh Nga, Phạm Khắc Thùy Hương, Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2018. Nâng cao chất lượng thực tập sư phạm cho học sinh, sinh viên Trường Cao Đẳng Sư phạm Nghệ An. *Tạp chí Giáo dục* số 434, kì 2 tháng 7, tr.22-26.

ABSTRACT

Some difficulties of students when practicing pedagogy in high schools today

Tran Thi Tuyet Mai

Institute for Educational Research, Hanoi National University of Education

In the process of pedagogical practice, besides the advantages, students also encounter many difficulties. The content of this article analyzes the difficult situation of students of Hanoi Pedagogical University and the University of Education - Da Nang University when they practice pedagogy in high schools today. According to the research results, the student's difficulty performance is assessed with an average score, but there is a difference in the corresponding 5 levels of choice. The assessment of the difficulties of pedagogic practice of students from two pedagogical universities is different and the difference is statistically significant.

Keywords: Difficult, pedagogical practice, teaching, education, high school.